

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 19-9-2017

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Nhẫn.

2. Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 19/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 118/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2017, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương A; Sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: Đường L, khóm N, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Lâm Hồng P; Sinh năm: 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện lập ngày 20/6/2017, bản tự khai lập ngày 20/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Phương A trình bày như sau: Bà Nguyễn Thị Phương A và ông Lâm Hồng P tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, khi kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 06/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà A, ông P sống tại xã T. Sau thời gian chung sống, vợ chồng bà A, ông P phát sinh mâu thuẫn do ông P không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường hay cự cãi đến tháng 10/2015 vợ chồng ly thân đến nay. Vợ chồng bà A, ông P có một người con chung là Lâm Hồng N, sinh ngày 27/10/2012, hiện nay cháu N sống chung với bà A. Về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng bà A, ông P không có tài sản chung và nợ chung. Hiện nay, bà A làm công nhân có thu nhập bình quân khoảng 4.000.000 đồng/tháng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, bà A

yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P. Về con chung, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn Lâm Hồng P nhiều lần để cung cấp lời khai về vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông P về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 20/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương A lập ngày 20/6/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do bà A nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của bà A và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 20/6/2017, bà Nguyễn Thị Phương A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lâm Hồng P có nơi cư trú tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Lâm Hồng P vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Phương A:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1990 và ông Lâm Hồng P, sinh năm 1989 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 06/02/2012, nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà A, ông P chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2015 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà A, ông P đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông P vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà A, ông P đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà A xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung:

[8] Bà Nguyễn Thị Phương A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét lời trình bày của bà A xác định bà A và ông P có con chung là Lâm Hồng N, sinh ngày 27/10/2012 là phù hợp với Giấy khai sinh số 508 ngày 21/10/2013 do Ủy ban nhân dân xã T cấp. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà A là phù hợp với điều kiện thực tế cần ổn định cuộc sống của cháu N và phù hợp với điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà A. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Lâm Hồng N cho bà Nguyễn Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[9] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Phương A xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Lâm Hồng N nên không yêu cầu ông Lâm Hồng P cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc ông P cấp dưỡng cho cháu Nhi.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Phương A chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Lâm Hồng P vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Lâm Hồng P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương A và ông Lâm Hồng P được ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao cho bà Nguyễn Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Phương A và ông Lâm Hồng P là Lâm Hồng N, sinh ngày 27/10/2012 đến khi thành niên (hiện nay, cháu Lâm Hồng N sống chung với bà Nguyễn Thị Phương A).

- Ông Lâm Hồng P không phải cấp dưỡng cho Lâm Hồng N.
 - Ông Lâm Hồng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom Lâm Hồng N mà không ai được cản trở. Ông Lâm Hồng P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lâm Hồng N của bà Nguyễn Thị Phương A.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương A chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006371 ngày 29/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lâm Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Lâm Hồng P vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Lâm Hồng P.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ